TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lai Quang P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà 214, tổ 5, ấp T, xã B, huyện C.

- Chị Bùi Thị Bé T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn G, xã D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú: Khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 26/7/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh P và chị T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Ngày 19 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh P và chị T thỏa thuận giao cháu Lai Ngọc N, sinh ngày 09/6/2010 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lai Ngọc N, sinh ngày 09/6/2010 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Bé T được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Lai Quang P và chị Bùi Thị Bé T mỗi người phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh P và chị T

mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000383, 0000384 cùng ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh P và chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Trung

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.